TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2017/DS-ST
Ngày 26-9-2017
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Duy Phương;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Trọng Tâm và ông Phạm Cảm;

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk;

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Cường - Kiểm sát viên;

Ngày 26/9/2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân TP Buôn Ma Thuột tiến hành xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 154/2015/TLST-DSST ngày 24/4/2015 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 124/2017/QĐXX-ST ngày 30/8/2017, Quyết định hoãn phiên tòa số 119/2017/QĐST-DSST ngày 13/9/2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Bà Lương Thị Thanh H, sinh năm 1987: Có mặt tại phiên tòa;

Địa chỉ: số nhà 18 đường A, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

2. Ông Lương Viết C, sinh năm 1984;

3. Ông Lương Thế A, sinh năm 1994;

Ông C, ông A đều vắng mặt tại phiên tòa, cùng trú tại: thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Người đại diện theo ủy quyền của ông C, ông A là bà Lương Thị Thanh H (Giấy ủy quyền ký ngày 08/06/2017 và ngày 06/06/2017);

- Bị đơn: Bà Đinh Thị Th: Có mặt tại phiên tòa;

Địa chỉ: Số nhà 07, tổ 1, khối 5, phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Người làm chứng:

1. Ông Phạm M Q, sinh năm 1979;

Địa chỉ: Tổ liên gia 1, khối 5, phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

2. Bà Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1948;

Địa chỉ: số nhà 55, Khối 3, phường K, thành phố B, tỉnh ĐắkLắk;

3. Ông Huỳnh Kim T, sinh năm 1979;

Địa chỉ: Số nhà 18 đường A, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Người làm chứng đều có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Do quan hệ quen biết, mua bán gạo từ lâu với nhau nên ngày 05/10/2012 và ngày 08/04/2013 mẹ nguyên đơn (là bà Phạm Thị M) có cho bị đơn vay 02 lần với tổng số tiền là 300.000.000 đồng, khi vay có viết giấy tay, không có thỏa thuận lãi suất, hẹn 10 ngày sau trả. Bị đơn mới trả được 135.000.000 đồng (trả thông qua ông Huỳnh Kim T – là chồng nguyên đơn, con rể bà Phạm Thị M). Việc trả nợ này có viết giấy nhận tiền, không nhớ ngày trả.

Ngày 08/6/2013 mẹ nguyên đơn mất đột xuất do tai nạn nên ngày 16/4/2015 cha nguyên đơn (ông Lương M Tr) đã làm đơn khởi kiện tại TAND TP B yêu cầu bị đơn trả số tiền còn lại 165.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

Ngày 01/8/2015 ông Lương Minh Ch chết do bị bệnh, do vậy 03 người con của ông Trí và bà M là người thừa kế quyền và nghĩa vụ tiếp tục tham gia vụ kiện với tư cách là đồng nguyên đơn.

Ông Cường, ông A ủy quyền cho bà Lương Thị Thanh H tham gia giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, bà Lương Thị Thanh H vẫn giữ nguyên các nội dung trình bày nói trên và yêu cầu khởi kiện.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn trình bày:

Cơ bản thống nhất như nguyên đơn trình bày, việc vay tiền xuất phát từ quan hệ mua bán gạo quen biết từ lâu với bà Phạm Thị M – là mẹ của các nguyên đơn. Việc mua bán gạo, vay tiền nhiều lần, nợ nần chủ yếu giao dịch bằng hình thức gọi điện thoại, nói miệng với nhau, có lúc thực hiện bằng hình thức ghi chép ra sổ sách, khi trả xong tiền thì bà M gạch sổ, chỉ có bị đơn và bà M biết rõ sự việc, có 2 lần viết và ký giấy vay tiền như trên nhưng cho rằng đã trả xong.

Cụ thể:

- Giấy vay ký ngày 05/10/2012, số tiền 100.000.000 đồng, hẹn 10 ngày trả: Đã vay bà Nguyễn Thị Nh để trả xong nhưng bà M đã quên không gạch sổ. Việc này có bà Nguyễn Thị Nh biết và làm chứng cho bị đơn cho nên bị đơn không yêu cầu bà M viết giấy nhận tiền.

- Giấy vay ký ngày 08/04/2013, số tiền 200.000.000 đồng, cũng hẹn 10 ngày trả: Thực chất số tiền này là tiền bà M ứng để mua gạo của bị đơn. Việc trả nợ số tiền này theo trình tự như sau:

+ Ngày 16/04/2013 bị đơn giao cho lái xe của bị đơn (ông Phạm M Q) chở 7000 kg gạo x 9.300 đồng/kg = 65.100.000 đồng giao cho bà M nhận số gạo này.

+ Ngày 29/5/2013 bị đơn giao cho ông Huỳnh Anh T (là con rể bà M) số tiền 135.000.000 đồng và 2000 kg gạo x 9500 đồng/kg =19.000.000 đồng. Lần giao tiền này bị đơn có đề nghị ông T viết giấy và ký nhận số tiền này, còn số tiền gạo để tôi và bà M tính toán, sau khi tính toán thì bà M trả lại cho tôi số tiền thừa là 19.100.000 đồng, sau đó hai bên xác định là không còn nợ nần gì nhau nữa.

Trong thời gian đó bị đơn vào ngày 20/04/2013 bị đơn tiếp tục vay của bà M số tiền 250.000.000 đồng để đáo hạn nợ ngân hàng, cũng hẹn 10 ngày trả, giữa bị đơn và bà M tin tưởng nhau nên không viết giấy tờ gì. Đến ngày 27/04/2013 bị đơn đã trả số tiền này cho bà M thông qua cháu Lương Thị Thanh H – là con bà M, việc trả tiền nay cũng không có viết giấy, ký nhận tiền gì cả.

Sau khi bà M chết thì vào khoảng tháng 11/2014 ông Lương Văn Ch (là chồng bà M) có ép và yêu cầu bị đơn viết 01 Giấy cam kết vay của bà M những số tiền nói trên (Trừ số tiền 100.000.000 đồng viết ngày 05/10/2012 không nói đến vì bị đơn xác định đã trả rồi). Trong Giấy cam kết này, bị đơn cũng đã nói rõ trình tự các lần trả nợ như đã trình bày ở trên.

Bị đơn xác định các khoản nợ trên có vay và đã trả bằng tiền mặt và trả bằng gạo, không còn nợ của gia đình bà M bất cứ khoản nợ nào nữa, đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, bị đơn giữ nguyên những nội dung trình bày nói trên, không thay đổi yêu cầu của mình.

- Người làm chứng trình bày:

+ Ông Huỳnh Kim T trình bày: Do quen biết nên ngày 05/10/2012 và ngày 08/04/2013 mẹ vợ tôi có cho bà Đinh Thị Th trú tại số nhà 07, tổ 1, khối 5, phường K, TP B mượn 02 lần với tổng số tiền là: 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng chẵn) khi vay không có thỏa thuận lãi suất và thế chấp tài sản gì. Cả 02 giấy vay tiền bà Th đều hẹn là 10 ngày sẽ trả tuy nhiên bà Th mới trả cho mẹ tôi 135.000.000 đồng (Một trăm ba mươi lăm triệu đồng chẵn) do tôi trực tiếp nhận nhưng không nhớ ngày tháng, việc nhận tiền do mẹ trực tiếp nhờ đi lấy chứ tôi không biết gì về chuyện làm ăn, mua bán giữa mẹ tôi và bà Th.

+ Ông Phạm Minh Q trình bày: Ông là tài xế xe tải cho bà Th từ năm 2007 tới nay, vào khoảng tháng 04/2013 ông được bà Th giao đi chở 7000 kg gạo cho bà M rồi về chứ không lấy tiền, vì số gạo trên cấn trừ số nợ mà bà Th nợ bà M. Việc bà Th, bà M có vay mượn như thế nào thì ông không biết.

+ Bà Nguyễn Thị Nh trình bày: Bà Nh và bà Th chơi với nhau và làm ăn chung từ năm 2005 thì vào khoảng tháng 10/2012 thì bà Th có qua nhà vay bà số tiền 100.000.000 đồng, bà chứng kiến việc bà Th giao cho bà M số tiền 100.000.000 đồng, do quên mang sổ nên bà Th nhắc bà M là nhớ gạch sổ nợ. Giữa bà Th và bà M vay nợ như thế nào thì bà không biết và cam đoan lời khai là đúng sự thật và chịu trách nhiệm về lời khai trên.

Tại phiên tòa, những người làm chứng nói trên vẫn giữ nguyên lời trình bày của mình.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý đến nay Thư ký, Thẩm phán, Hội đồng xét xử cũng như nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự, còn bị đơn đôi lúc chấp hành chưa tốt dẫn đến việc hòa giải, đối chất vắng mặt bị đơn.

Về nội dung: Do bị đơn không chứng minh việc trả nợ bằng giấy tờ, sổ sách cụ thể nên cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện đòi nợ gốc của nguyên đơn và lãi suất theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra, tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Việc xét xử thuộc thẩm quyền của TAND TP B theo nơi bị đơn cư trú là phù hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do nguyên đơn là ông Lương Văn Ch đã chết vào ngày 01/8/2015, vì vậy người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng là ông Lương Viết C, ông Lương Thế A, bà Lương Thị Thanh H tham gia tố tụng với tư cách là đồng nguyên đơn theo quy định khoản 1 Điều 74 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015, do giao dịch dân sự phát sinh từ trước ngày 01/01/2017 cho nên quan hệ pháp luật về nội dung của vụ án được điều chỉnh bởi các quy định của Bộ luật Dân sự năm 2005.

[3] Do quen biết và làm ăn mua bán gạo với nhau từ lâu nên giữa bà Phạm Thị M và bị đơn đã diễn ra việc vay mượn, giao dịch hàng hóa rất nhiều lần, nhưng xảy ra tranh chấp 02 lần vay như sau:

- Đối với Giấy vay tiền ngày 05/10/2012: bà Phạm Thị M có cho bị đơn vay số tiền 100.000.000 đồng, hẹn 10 ngày trả. Bị đơn cho rằng đã vay của bà Nh để trả số nợ trên, và bà M đã quên không gạch sổ là tờ giấy viết số nợ này, bà Nh cũng thừa nhận sự thật này.

Lời trình bày này của bị đơn có cơ sở thực tế, phù hợp với quy luật ngẫu nhiên của quan hệ vay mượn giữa bị đơn và bà Phạm Thị M, phù hợp với lời trình bày của nhân chứng. Bởi vì: Căn cứ vào những lần vay sau này, hầu như

lầm vay nào cũng có giao hẹn với nhau là 10 ngày sau phải trả, trả xong mới vay tiếp, việc vay trả có lúc viết giấy, có lúc ghi sổ, có lúc không. Do vậy, những lần vay sau này, có viết giấy nhưng bà Phạm Thị M không nhắc đến hoặc không cộng dồn số nợ này vào những lần vay tiếp đó, mặc dù khoảng cách lần vay này với lần viết giấy có tranh chấp lần thứ 2 cách nhau khá xa. Do vậy cần chấp nhận lời trình bày này của bị đơn là phù hợp với thực tiễn khách quan, bản chất sự việc.

- Đối với Giấy vay tiền ngày 08/4/2013: Bị đơn và nguyên đơn đều xác định việc vay này là có thật, nguyên đơn xác nhận đã trả được 135.000.000 đồng, việc trả tiền này có viết giấy biên nhận, bị đơn xác định ngày trả tiền là 29/5/2013. Bị đơn khai ngày 16/04/2013 giao cho lái xe của bị đơn chở 7000 kg gạo trị giá 65.100.000 đồng giao cho bà M nhận số gạo này nhưng không yêu cầu bà M vào sổ sách, viết giấy biện nhận gì cả. Các đồng nguyên đơn không thừa nhận đã trả số gạo này bằng tiền mặt. Hiện nay bà M đã chết nên không thể đối chất được.

Vì những lý do nêu trên, cần chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 65.000.000 đồng là phù hợp, bác yêu cầu đòi tiền 100.000.000 đồng của nguyên đơn là phù hợp với thực tiễn khách quan, bản chất sự việc.

[4] Về lãi suất:

Trong các Giấy vay tiền các bên không xác định lãi suất, tuy nhiên do nguyên đơn có yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật kể từ ngày chậm trả nợ do vậy theo quy định tại khoản 4 Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005 và Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong thời gian các bên vay tiền, lãi suất cơ bản được áp dụng là 9%/năm (0,75%/tháng) và thời điểm vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc là ngày 30/5/2013 tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 26/9/2017) là 04 năm 03 tháng 26 ngày,

Cụ thể tiền lãi là: 65.000.000 đồng x 0,75%/tháng x 04 năm 03 tháng 26 ngày = 25.300.250 đồng;

Tổng cộng nợ gốc và lãi: 65.000.000đồng + 25.300.250 đồng = 90.300.250 đồng.

[4] Về án phí:

Do vụ án được thụ lý trước ngày 01/01/2017 nên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, án phí của vụ án được thực hiện theo quy định tại Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/2/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án

Căn cứ quy định tại Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/2/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, do yêu cầu

của nguyên đơn được chấp nhận một phần đơn khởi kiện nên nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu không được Tòa án chấp nhận đối với số tiền không được chấp nhận là 100.000.000 đồng x 5% = 5.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn phải chịu: 90.300.250 đồng x 5% = 4.515.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 146, Điều 147, Điều 160, Điều 161, Điều 162, khoản 1 Điều 207, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ quy định tại điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 471, khoản 4 Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ quy định tại Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/2/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án và điểm b Mục 2 Phần I Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/2/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn ông Lương Viết C, ông Lương Thế A và bà Lương Thị Thanh H;

- Buộc bà Đinh Thị Th phải trả cho ông Lương Viết C, ông Lương Thế A và bà Lương Thị Thanh H số tiền 65.000.000 đồng tiền nợ gốc và 25.300.250 đồng tiền lãi. Tổng cộng cả gốc và lãi là: 90.300.250 đồng;

Áp dụng khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015 để tính lãi suất khi đương sự có đơn yêu cầu thi hành án.

2. Về án phí: Ông Lương Viết C, ông Lương Thế A và bà Lương Thị Thanh H phải chịu: 5.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 4.125.000 đồng mà ông Lương Văn Ch đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B theo Biên lai thu tiền số: AA/2013/30414 ngày 23/4/2015. Ông Lương Viết C, ông Lương Thế A và bà Lương Thị Thanh H phải nộp tiếp 875.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Đinh Thị Th phải chịu 4.515.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP BMT;
- THADS TP BMT;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Duy Phương